

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt dự án Nâng cấp, mở rộng đường từ xã Xuân Cao
đi xã Luận Thành, huyện Thường Xuân.**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 13 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

*Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số
điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số
40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14;*

*Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4
năm 2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; số
06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 quy định chi tiết một số nội dung
về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số
10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 về quản lý chi phí đầu tư xây
dựng; số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 quy định chi tiết một số nội
dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6
năm 2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản
lý nhà nước của Bộ Xây dựng;*

*Căn cứ các Thông tư của Bộ Xây dựng: số 11/2021/TT-BXD ngày 31 tháng
8 năm 2021 về hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây
dựng; số 12/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 về ban hành định mức xây
dựng; số 13/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 hướng dẫn phương pháp
xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình;*

*Căn cứ Nghị quyết số 138/NQ-HĐND ngày 11 tháng 10 năm 2021 của
HĐND tỉnh về quyết định chủ trương đầu tư dự án nâng cấp, mở rộng đường từ
xã Xuân Cao đi xã Luận Thành, huyện Thường Xuân;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số
7809/SGTVT-TĐKHKT ngày 25 tháng 12 năm 2023 về việc phê duyệt Báo cáo
nghiên cứu khả thi dự án nâng cấp, mở rộng đường từ xã Xuân Cao đi xã Luận
Thành, huyện Thường Xuân (kèm theo Báo cáo thẩm định số 7751/SGTVT-*

TĐKHKT ngày 22 tháng 12 năm 2023 và hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi) và của UBND huyện Thường Xuân tại Văn bản số 3904/UBND-BQLDA ngày 20 tháng 12 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án Nâng cấp, mở rộng đường từ xã Xuân Cao đi xã Luận Thành, huyện Thường Xuân với những nội dung chủ yếu sau:

1. Tên dự án: Nâng cấp, mở rộng đường từ xã Xuân Cao đi xã Luận Thành, huyện Thường Xuân.

2. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa.

3. Chủ đầu tư: Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Thường Xuân.

4. Nhà thầu khảo sát, lập Báo cáo nghiên cứu khả thi: Công ty cổ phần tư vấn và xây dựng Mạnh Toàn.

5. Mục tiêu đầu tư xây dựng: Từng bước hoàn chỉnh kết cấu hạ tầng giao thông của huyện; tạo điều kiện thuận lợi cho việc đi lại, giao thương của người dân xã Xuân Cao, xã Luận Thành và các xã lân cận; phục vụ công tác cứu hộ, cứu nạn, phòng, chống lụt bão; góp phần phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

6. Quy mô đầu tư xây dựng

Đầu tư nâng cấp tuyến đường từ xã Xuân Cao đi xã Luận Thành với chiều dài 7,08km đạt tiêu chuẩn đường cấp V miền núi (theo TCVN 4054:2005), có: vận tốc thiết kế $V_{tk}=30\text{km/h}$; chiều rộng nền đường $B_n=6,5\text{m}$; chiều rộng mặt đường $B_m=5,5\text{m}$; sửa chữa 1,12km đường cũ; tần suất thủy văn tính toán $P=4\%$ với nền đường, công, cầu nhỏ, $P=1\%$ đối với cầu trung; tải trọng thiết kế H30-XB80 với công, HL93 với cầu.

7. Giải pháp thiết kế chủ yếu

7.1. Bình đồ, hướng tuyến: Hướng tuyến được lựa chọn trên cơ sở bám theo đường cũ, có điều chỉnh cục bộ một số vị trí để đảm bảo tiêu chuẩn cấp đường và cải thiện tầm nhìn, phù hợp với các quy hoạch liên quan.

- Tuyến chính: điểm đầu Km0+00, giao với đường từ UBND xã Xuân Cao đi cầu Tổ Rồng, thuộc địa phận xã Xuân Cao; điểm cuối Km7+505 thuộc địa phận xã Luận Thành. Chiều dài tuyến chính 7.505m.

- Tuyến nhánh: điểm đầu tại Km7+081/Tuyến chính; điểm cuối Km0+694 thuộc địa phận xã Luận Thành. Chiều dài tuyến nhánh 694m.

Tổng số có 105 đường cong, bán kính nhỏ nhất $R_{\min}=30\text{m}$.

7.2. Cắt dọc: Cao độ đường đồ trên cơ sở tần suất thủy văn tính toán, các điểm khống chế theo quy hoạch, kết nối dân cư hai bên và nút giao hiện trạng. Độ dốc dọc lớn nhất $I_{\max}=10\%$.

7.3. Cắt ngang: Chiều rộng nền đường $B_n=6,5\text{m}$; mặt đường $B_m=5,5\text{m}$; lề đất $B_l=2\times 0,5\text{m}=1\text{m}$; độ dốc ngang mặt đường hai mái $i_m=3\%$; lề đất $i_l=4\%$; từ

Km7+081 - Km7+505 tuyến chính có $B_m=3,5m$ và tuyến nhánh có $B_m=3,0m$ được giữ nguyên mặt cắt ngang theo hiện trạng.

7.4. Nền đường:

- Nền đào: độ dốc mái taluy từ 1/0,5-1/1, tùy thuộc cấp đất, đá và địa hình.
- Nền đắp: đắp đạt độ chặt yêu cầu $K \geq 0,95$; mái ta luy đắp 1/1,5; Trước khi đắp đào bỏ lớp đất không thích hợp.

7.5. Kết cấu áo đường:

- a) Mặt đường đoạn nâng cấp cải tạo có $E_{yc} \geq 110Mpa$, gồm các lớp:
- Lớp mặt: Láng nhựa 02 lớp tiêu chuẩn nhựa $3,0kg/m^2$.
 - Lớp móng: lớp trên bằng đá dăm chèn đá dăm dày 12cm; lớp móng dưới bằng đá dăm tiêu chuẩn 4x6 dày 24cm với mặt đường làm mới và bằng đá dăm chèn đá dăm dày trung bình dày 12cm với mặt đường cũ.
- b) Sửa chữa mặt đường theo kết cấu hiện trạng: Đoạn từ Km7+081 - Km7+505 (tuyến chính) được bù vênh bằng đá dăm, láng nhựa 02 lớp tiêu chuẩn nhựa $3,0kg/m^2$; tuyến nhánh kết cấu mặt đường bê tông xi măng M300.

7.6. Thoát nước mặt:

Bằng chảy tỏa và rãnh dọc. Những đoạn có địa chất dễ bị xói lở và qua khu dân cư, rãnh dọc được gia cố bằng BTXM; các vị trí qua nhà dân được lắp tấm đan bằng BTCT.

7.7. Công thoát nước ngang:

Sử dụng lại công cũ còn tốt, bổ sung và xây dựng mới hoàn thiện hệ thống công trình thoát nước ngang trên tuyến, gồm các loại công tròn và công bản. Chiều dài công bằng chiều rộng nền đường, móng đặt trên nền thiên nhiên đảm bảo khả năng chịu lực. Kết cấu công bằng BTXM và BTCT.

7.8. Phần cầu:

Xây dựng 04 cầu thay thế tràn liên hợp cũ qua sông/suối trên tuyến, cầu thiết kế theo TCVN 11823:2017, tải trọng HL93, chiều rộng toàn cầu $B=7,5m$.

a) Cầu Hón Tràng, Km0+900: tim dọc cầu chéo góc với hướng dòng chảy 64^0 ; chiều dài toàn cầu $L=22,1m$.

- Kết cấu phần trên: gồm 01 nhịp dầm bản rộng bằng BTCT DUL 40Mpa, dầm dài $L=12m$, cao $h=52cm$; mặt cắt ngang nhịp gồm 07 phiến dầm; mặt cầu bằng BTCT 30Mpa; gối cầu bằng cao su cốt bản thép; khe co giãn bằng thép dạng răng lược; thoát nước mặt cầu bằng ống thép kết hợp ống nhựa; gờ lan can bằng BTCT; lan can bằng thép mạ kẽm.

- Kết cấu phần dưới: hai móng cầu tạo giống nhau, dạng chữ U, kiểu tường bằng BTCT, đặt trên hệ cọc khoan nhồi $D1,0m$; bản chuyển tiếp bằng BTCT.

- Đường đầu cầu: sau đuôi móng có $B_n=7,5m$, $B_m=6,5m$ và vuốt chuyển tiếp về mặt cắt chung của tuyến. Gia cố tứ nón, đường đầu cầu bằng BTXM.

b) Cầu Hoán Cát, Km2+829: tim dọc cầu vuông góc với hướng dòng chảy; chiều dài toàn cầu L=25,1m.

- Kết cấu phần trên: Gồm 01 nhịp dầm bản rộng bằng BTCT DU'L 40Mpa, dầm dài L=15m, cao h=55cm, mặt cắt ngang nhịp gồm 07 phiến dầm.

- Kết cấu phần dưới, các kết cấu khác còn lại và đường đầu cầu giống như cầu Hón Tràng.

c) Cầu sông Đền Km5+603: tim dọc cầu chéo góc với hướng dòng chảy 70° ; chiều dài toàn cầu L=86,35m.

- Kết cấu phần trên: gồm 03 nhịp dầm I bằng BTCT DU'L 40Mpa, dầm dài L=25m, cao h=145cm; mặt cắt ngang nhịp gồm 03 phiến dầm; độ dốc ngang mặt cầu 2% được tạo bằng thay đổi chiều dày tường thân của móng/trụ; lớp phủ mặt cầu bằng BTCT 30Mpa, bản liên tục nhiệt; khe co giãn đặt tại các vị trí móng bằng khe thép kiểu răng lược; thoát nước mặt cầu bằng ống gang kết hợp ống nhựa D150; gờ lan can bằng BTCT; lan can bằng thép mạ kẽm.

- Kết cấu phần dưới: móng M1 dạng chữ U kiểu tường, móng M2 dạng móng dẹt bằng BTCT 30Mpa, móng móng đặt trên hệ cọc khoan nhồi D1,0m. Trụ cầu dạng trụ đặc thân hẹp bằng BTCT 30Mpa, móng trụ đặt trên hệ cọc khoan nhồi D1,0m.

- Đường đầu cầu giống như các cầu nêu trên.

d) Cầu Đồng Ấp, Km6+826: tim dọc cầu chéo góc với hướng dòng chảy 72° ; chiều dài toàn cầu L=30,1m.

- Kết cấu phần trên: gồm 01 nhịp dầm bản rộng bằng BTCT DU'L 40Mpa, dầm dài L=18m, cao h=65cm; mặt cắt ngang nhịp gồm 07 phiến dầm.

- Kết cấu phần dưới: hai móng cầu tạo giống nhau, dạng chữ U kiểu tường bằng BTCT 30Mpa đặt trên nền địa chất có địa tầng là đá.

- Các kết cấu khác còn lại và đường đầu cầu của cầu giống như cầu Hón Tràng.

7.9. Nút giao:

- Ngã ba đầu tuyến chính Km0+00, giao với đường từ UBND xã Xuân Cao đi Cầu Tô Rồng: trên tuyến của dự án, bố trí nhánh rẽ kết nối với đường giao; trên đường giao với tuyến chính, mở rộng trong phạm vi nút giao từ mặt đường hiện trạng Bm=3,5m thành mặt đường Bm=5,5m và vuốt nối về đường hiện trạng trên chiều dài mỗi bên L=10m.

- Ngã ba tại Km7+081 tuyến chính giao với tuyến nhánh: trên các nhánh, mở rộng nền mặt đường theo bán kính cong nhánh rẽ với chiều dài L=50m/nhánh, sau đó vuốt nối về mặt đường hiện trạng L=10m.

7.10. Đường ngang dân sinh:

Vuốt nối vào tuyến chính đảm bảo tầm nhìn và độ dốc dọc $\leq 6\%$. Kết cấu mặt đường bằng đá dăm láng nhựa và BTXM.

7.11. Hệ thống an toàn giao thông: bố trí biển báo, cọc tiêu, cột km, lan

can phòng hộ bằng tôn lợp sóng tuân thủ theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2019/BGTVT.

(chi tiết như hồ sơ TKCS kèm theo).

8. Địa điểm xây dựng và diện tích đất sử dụng

- Địa điểm xây dựng: các xã Xuân Cao, Luận Khê và Luận Thành, huyện Thường Xuân.

- Diện tích đất sử dụng: khoảng 4,92ha (trong đó phạm vi đường cũ đang khai thác khoảng 2,86ha).

9. Nhóm dự án, loại, cấp, thời hạn sử dụng theo thiết kế của công trình chính thuộc dự án

Dự án nhóm B, công trình giao thông, cấp IV, tuổi thọ công trình theo quy định.

10. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn

- Thiết kế 02 bước: Thiết kế cơ sở và thiết kế bản vẽ thi công.

- Danh mục quy chuẩn, tiêu chuẩn chủ yếu: Chấp thuận danh mục quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng cho dự án theo báo cáo thẩm định số 7751/SGTVT-TĐKHKT ngày 22 tháng 12 năm 2023 của Sở Giao thông vận tải.

11. Tổng mức đầu tư: 80.000.000.000 đồng (Tám mươi tỷ đồng).

Trong đó:

- Chi phí bồi thường GPMB:	9.992.154.000 đồng;
- Chi phí xây dựng:	54.669.317.000 đồng;
- Chi phí quản lý dự án:	912.533.000 đồng;
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	5.868.316.000 đồng;
- Chi phí khác:	1.513.630.000 đồng;
- Chi phí dự phòng:	7.044.050.000 đồng.

(chi tiết có phụ biểu Tổng mức đầu tư kèm theo).

12. Nguồn vốn và cơ cấu vốn đầu tư: Ngân sách tỉnh.

13. Thời gian thực hiện: Năm 2024 - 2027.

14. Phương án bồi thường giải phóng mặt bằng, tái định cư

- Phạm vi GPMB theo Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ được sửa đổi tại khoản 1, Điều 1 Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03/9/2013 của Chính phủ.

- Phương án tổ chức thực hiện: giao UBND huyện Thường Xuân làm chủ đầu tư tiểu dự án giải phóng mặt bằng và tái định cư để tổ chức thực hiện theo quy định.

15. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư tổ chức thực hiện quản lý dự án theo quy định.

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

- Sở Giao thông vận tải, Chủ đầu tư chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về nội dung hồ sơ dự án trình thẩm định, phê duyệt.

- Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Thường Xuân tổ chức thực hiện theo đúng các quy định hiện hành về đầu tư xây dựng. Trong bước tiếp theo, có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các kiến nghị của Sở Giao thông vận tải tại báo cáo thẩm định số 7751/SGTVT-TĐKHKT ngày 22 tháng 12 năm 2023.

- UBND huyện Thường Xuân tổ chức bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Giao thông vận tải, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Giám đốc kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa; Chủ tịch UBND huyện Thường Xuân; Giám đốc Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Thường Xuân và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3-QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Lưu: VT, CN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Mai Xuân Liêm

PHỤ BIỂU: TỔNG MỨC ĐẦU TƯ ĐẦU TƯ
Dự án: Nâng cấp, mở rộng đường từ xã Xuân Cao đi
xã Luện Thành, huyện Thường Xuân

(kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Hạng mục chi phí	Diễn giải	Giá trị (đồng)
I	Chi phí bồi thường GPMB	Khái toán chi tiết	9.992.154.000
II	Chi phí xây dựng	Dự toán chi tiết	54.669.317.000
1	Phần tuyến		25.117.732.000
2	Phần cầu		29.551.585.000
III	Chi phí quản lý dự án	39.759.503.200 x 2,295%	912.533.000
IV	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng		5.868.316.000
1	Khảo sát bước Báo cáo NCKT		1.503.323.000
2	Lập báo cáo NCKT	QĐ số 250/QĐ-BQLDA ngày 19/12/2022	301.312.000
3	Lập nhiệm vụ khảo sát lập BC NCKT		45.100.000
4	Giám sát khảo sát lập BC NCKT		60.172.000
5	Khảo sát bước thiết kế BVTC		Tạm tính
6	Lập thiết kế BVTC	49.699.379.000 x1,1x 1,081%	590.757.000
7	Lập nhiệm vụ khảo sát bước TKBVTC	833.333.333 x 3,000%	25.000.000
8	Giám sát khảo sát bước TKBVTC	833.333.333 x1,1x 4,072%	37.327.000
9	Khảo sát, lập phương án RPBM	240.000.000 x 3,000%	4.800.000
10	Giám sát công tác RPBM	240.000.000 x 3,203%	7.687.000
11	Lập hồ sơ, cắm cọc GPMB	Tạm tính	416.000.000
12	Thẩm tra Báo cáo NCKT	QĐ số 65/QĐ-BQLDA ngày 30/3/2023	63.680.000
13	Thẩm tra thiết kế BVTC	49.699.379.000 x1,1x 0,113%	61.872.000
14	Thẩm tra dự toán	49.699.379.000 x1,1x 0,106%	58.028.000
15	Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường	QĐ số 253/QĐ-BQLDA ngày 23/12/2022	381.949.000
16	Lập HSMT và đánh giá HSDT tư vấn khảo sát, lập BCNCKT	QĐ số 250/QĐ-BQLDA ngày 19/12/2023	13.668.000
17	Lập HSMT, đánh giá HSDT tư vấn bước BVTC	2.543.221.192 x1,1x 0,601%	16.808.000
18	Lập HSMT, đánh giá HSDT thi công	50.230.809.909 x1,1x 0,057%	31.459.000
19	Giám sát thi công xây dựng	49.699.379.000 x1,1x 2,360%	1.290.119.000
20	Thẩm định HSMT, kết quả LCNT bước BVTC	4.585.511.000 x 0,100%	4.586.000
21	Thẩm định HSMT, kết quả LCNT thi công	54.669.317.000 x 0,100%	54.669.000

TT	Hạng mục chi phí	Diễn giải			Giá trị (đồng)
V	Chi phí khác				1.513.630.000
1	Chi phí kiểm toán	68.515.209.000	x1,1x	0,387%	291.669.000
2	Thẩm tra phê duyệt quyết toán	68.515.209.000	x0,5x	0,249%	85.300.000
3	Bảo hiểm xây dựng công trình	50.230.809.909	x1,1x	0,400%	221.016.000
4	Thẩm định Báo cáo NCKT	80.000.000.000	x0,5x	0,014%	5.400.000
5	Thẩm định thiết kế BVTC	49.699.379.000	x	0,072%	35.834.000
6	Thẩm định dự toán xây dựng	49.699.379.000	x	0,068%	33.837.000
7	Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường	QĐ số 253/QĐ-BQLDA ngày 23/12/2022			16.000.000
8	Rà phá bom mìn	Tạm tính 30tr x 8,00ha			240.000.000
9	Các chi phí khác				
-	Đảm bảo ATGT phục vụ thi công	Tạm khái toán			177.617.000
-	Xây dựng TBA, hệ thống cấp điện				256.957.000
-	Xây dựng nền móng trạm trộn BTXM				150.000.000
VI	Chi phí dự phòng				7.044.050.000
1	Dự phòng khối lượng, công việc phát sinh	72.955.951.000	x	4,73%	3.447.320.000
2	Dự phòng trượt giá	72.955.951.000	x	4,93%	3.596.730.000
	Tổng cộng	(I-VI)			80.000.000.000